

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH Q**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HS-ST

Ngày: 31 - 01 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Tuyết và bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Q

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Q tham gia phiên tòa: Ông Phan Mạnh Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Q mở phiên toà xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2024/HS - ST ngày 18 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HS ngày 19/01/2024 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Nguyễn Thị M**, sinh ngày 22/12/1981 tại huyện B, tỉnh Q; nơi cư trú: thôn Chùa Sỏi, xã T, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Xuân (đã chết) và bà Lê Thị Bân; chưa có chồng con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/10/2023 đến ngày 27/10/2023 được thay đổi sang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo **Nguyễn Thanh B**, sinh ngày 06/02/1974 tại Đ, tỉnh Q; nơi cư trú: tổ dân phố 2, phường H, thành phố Đ, tỉnh Q; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Thều (đã chết) và bà Trần Thị Quảng; có vợ là Cao Thị Hồng và 02 con đã trưởng thành; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/10/2023 đến ngày 27/10/2023 được thay đổi sang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, có mặt tại phiên tòa..

3. Bị cáo **Nguyễn Thị L**, sinh ngày 10/10/1978 tại huyện B, tỉnh Q; nơi cư trú: thôn 4 Phúc Đồng, xã Ph, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 02/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Nhân và bà Nguyễn Thị Thơi (đều đã chết); chồng: không có; con

có 03 đứa, đứa lớn nhất sinh năm 1996, đứa nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/10/2023 đến ngày 27/10/2023 được thay đổi sang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. **Nguyễn Danh S**, sinh ngày 22/01/1980 tại huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: xóm 4, xã D, huyện D, tỉnh Ngh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Danh Tùng và bà Nguyễn Thị Vân; có vợ là Hoàng Thị Tâm và 02 con, đứa lớn sinh năm 2004, đứa nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/10/2023 đến ngày 27/10/2023 được thay đổi sang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. **Đậu Thị L**, sinh ngày 05/9/1987 tại thành phố Đ, tỉnh Q; nơi cư trú: thôn Nam Phú, xã Qu, thành phố Đ, tỉnh Q; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đậu Xuân Nuôi và bà Phạm Thị Nụ (đều đã chết); có chồng là Phạm Văn Tý và 02 con đứa lớn sinh năm 2005, đứa nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/10/2023 đến ngày 27/10/2023 được thay đổi sang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; nơi cư trú: thôn 10, xã L, huyện B, tỉnh Q, vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Ông Dương Đình D, sinh năm 1960; nơi cư trú: thôn 10, xã L, huyện B, tỉnh Q, có mặt.

Bà Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1986; nơi cư trú: thôn Tây Phú, xã Qu, thành phố Đ, tỉnh Q, có mặt.

Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1973; nơi cư trú: TDP 2, phường H, thành phố Đ, tỉnh Q, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 21/10/2023, Nguyễn Thanh B cùng với Nguyễn Thị Linh và Nguyễn Thị M ngồi uống nước tại thành phố Đ, tỉnh Q thì cả nhóm hẹn nhau thuê phòng nghỉ để đánh bạc. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, B, M, L di chuyển đến nhà nghỉ L Hương tại thôn 10, xã Lý Trạch, huyện B, tỉnh Q thuê phòng nghỉ để đánh bạc. B, M, L đã thuê phòng số 01, tầng 02 nhà nghỉ L Hương, dùng bộ bài tú lơ khơ 52 quân do M mua rồi cùng nhau đánh bạc dưới hình thức “cào lật”. Sau đó, B gọi điện thoại hẹn Nguyễn Thị Hải Yến đến chơi và nhờ mua thuốc lá. Yến lại nhắn tin hẹn Đậu Thị L và hẹn Nguyễn Danh S cùng đi chơi. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày,

Yến và S đến nhà nghỉ L Hương, S tham gia đánh bạc với mọi người, còn Yến ngồi trên giường xem mọi người đánh bạc. Đến khoảng 16 giờ 45 phút cùng ngày, L hẹn Nguyễn Văn Thắng cùng đến nhà nghỉ L Hương. Khi đến, L đã tham gia đánh bạc với B, L, M, S, còn Thắng ngồi trên giường xem mọi người đánh bạc. Cả nhóm gồm, L, B, M, L, S cùng nhau đánh bạc dưới hình thức “cào lật”. Cách chơi và tính như sau: mỗi ván, mỗi người chơi đặt cược vào giữa sòng 50.000 đồng, sau đó chia đều cho mỗi người 03 quân bài rồi tiến hành so sánh bài với nhau, bài ai lớn nhất thì thắng toàn bộ số tiền đặt cược giữa sòng. Nếu có từ hai người trở lên có số điểm bằng nhau thì được chia đều số tiền đặt cược ở giữa sòng. Giá trị bài được quy định như sau: Bài lớn nhất “sam” là 03 quân bài có cùng giá trị nganh nhau, trong đó “sam 3” là lớn nhất, “sam 10” là bé nhất. Nếu có từ hai người trở lên cùng có “sam” thì tính tổng điểm của “sam”, giá trị của 03 quân bài có tổng số điểm có số đuôi là “9” được xác định là lớn nhất, rồi đến “8 điểm” và cho đến “0 điểm” là bé nhất. Cả nhóm chơi đến 18 giờ cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện B phát hiện bắt giữ quả tang cùng với tang vật, gồm: Tiền VNĐ dùng vào việc đánh bạc là 12.750.000 đồng trong đó tiền thu giữa chiếu bạc 7.900.000 đồng, tiền thu trên người S 3.500.000 đồng, tiền thu trên người B 150.000 đồng, tiền thu trên người L 1.200.000 đồng; 02 bộ bài tú lơ khơ loại 52 quân đã qua sử dụng và một số tài sản khác.

Vật chứng vụ án: Thu giữ toàn bộ số tiền các bị cáo đã dùng vào mục đích đánh bạc là 12.750.000 đồng; 02 bộ bài tú lơ khơ đã qua sử dụng; thu giữ và xử lý trả lại cho chủ sở hữu 04 xe mô tô, gồm xe mô tô BKS 73B1-426.22, xe mô tô BKS 73F1-563.57, xe mô tô BKS 73B1-155.54, xe mô tô BKS 73B1-251.33; thu giữ và xử lý trả lại cho chủ sở hữu 02 điện thoại di động.

Bản cáo trạng số 03/CT- VKSBT ngày 16/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị L, Nguyễn Danh S và Đậu Thị L về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh B và Nguyễn Thị L mỗi bị cáo từ 18-24 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 36 Bộ luật hình sự, riêng bị cáo S áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Danh S và Đậu Thị L mỗi bị cáo từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ.

Các bị cáo không có việc làm ổn định đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tuyên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 12.750.000 đồng; tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tulokhor và tuyên án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhất trí với toàn bộ nội dung bản cáo trạng và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Các bị cáo không tranh luận và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định pháp luật về tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, xét thấy, trong quá trình điều tra giải quyết vụ án, đã thu thập được lời khai của người này, nên sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị L, Nguyễn Danh S và Đậu Thị L đều thống nhất khai nhận: ngày 21/10/2023 tại phòng số 01, tầng 2 nhà nghỉ L Hương thuộc thôn 10, xã Lý Trạch, huyện B, tỉnh Q các bị cáo đã thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức dùng bộ bài tú lơ khơ 52 quân đánh “cào lật” thắng thua bằng tiền Việt Nam đồng thì bị lực lượng Công an huyện B phát hiện, bắt giữ quả tang cùng với số tiền dùng vào việc đánh bạc là 12.750.000 đồng. Xét lời khai nhận của các bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những làm chứng, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận các bị cáo Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị L, Nguyễn Danh S và Đậu Thị L đã phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[3] Về hành vi, vai trò cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo nhận thấy:

Tính chất của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện là nghiêm trọng, gây nguy hại cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, xâm phạm trật tự an toàn và nếp sống văn minh của xã hội. Các bị cáo là những người đã trưởng thành đáng lẽ phải nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép sẽ gây ra nhiều tác hại và hệ lụy khác cho xã hội cũng như cho gia đình và chính bản thân các bị cáo nhưng vì coi thường pháp luật nên đã dẫn đến việc thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần

có một hình phạt nghiêm đối với các bị cáo để nhằm có tác dụng giáo dục ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật cho các bị cáo và đấu tranh ngăn chặn triệt để tệ nạn cờ bạc trong toàn xã hội.

Trong vụ án này có nhiều bị cáo tham gia, tuy nhiên giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò, nhiệm vụ hoặc câu kết chặt chẽ trước khi phạm tội mà việc phạm tội chỉ được thực hiện khi có người đề xướng thì các bị cáo đồng thuận thực hiện, các bị cáo đều là những người chủ động và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, nên đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có tổ chức.

Trong các bị cáo thì bị cáo Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh B và Nguyễn Thị Lĩnh là những người khởi xướng việc đánh bạc, bản thân bị cáo các bị cáo chủ động tham gia một cách tích cực, từ đầu cho đến lúc bị bắt quả tang. Trong ba bị cáo bị cáo M là người trực tiếp chuẩn bị bài để dùng vào việc đánh bạc và là người trực tiếp thuê phòng để đánh bài, bị cáo B và bị cáo L là những người tham gia đánh từ đầu đến lúc bị bắt. Nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

Đối với các bị cáo Nguyễn Danh S và Đậu Thị L khi nghe Yến rủ đi đánh bạc, các bị cáo không từ chối mà đã chủ động tham gia một cách tích cực nên cũng cần xử lý nghiêm tương ứng với vai trò của các bị cáo.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo luôn thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; các bị cáo mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Riêng bị cáo Nguyễn Danh S có bố là người có công với cách mạng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[4] Về hình phạt đối với các bị cáo:

Xét tính chất mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo, quá trình nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội mà áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự cho bị cáo Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị L và Đậu Thị L được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình và cũng để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo Nguyễn Danh S là cũng đủ nghiêm nhằm răn đe và giáo dục bị cáo có ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật.

Các bị cáo Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị L và Đậu Thị L có thời gian bị bắt tạm giữ sẽ được quy đổi, khấu trừ vào thời gian các bị cáo phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Xét các bị cáo M, B, Lĩnh và L thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Liên quan trong vụ án này có Nguyễn Văn Thắng và Nguyễn Thị Hải Yến ngồi xem các bị cáo đánh bạc, bà Nguyễn Thị Hương là chủ nhà nghỉ L Hương thiếu trách nhiệm trong quản lý cơ sở để xảy ra hoạt động đánh bạc tại cơ sở của mình mà không biết, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện B đã chuyển hồ sơ đến Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính đối với Yến, Thắng và Hương phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Xét thấy vật chứng đã thu giữ là số tiền 12.750.000 đồng mà các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước; 02 bộ bài tú lơ lơ loại 52 quân đã qua sử dụng là công cụ mà các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị, tịch thu tiêu huỷ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị L, Nguyễn Danh S và Đậu Thị L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị L, Nguyễn Danh S và Đậu Thị L phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Danh S** số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Thời gian chấp hành hình phạt tiền kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị L và Đậu Thị L** mỗi bị cáo 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ vào thời gian bị bắt tạm giữ từ ngày 22/10/2023 đến ngày 27/10/2023 là 06 ngày được quy đổi thành 18 ngày cải tạo không giam giữ. Hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại của mỗi bị cáo là 14 (mười bốn) tháng 12 (mười hai) ngày.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện B, tỉnh Q nhận được quyết định thi hành án.

Miễn khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị L và Đậu Thị L vì thu nhập không ổn định.

Giao bị cáo Nguyễn Thị M cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Q phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Nguyễn Thị L cho Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện B, tỉnh Q phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Nguyễn Thanh B cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Đ, tỉnh Q phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Đậu Thị L cho Ủy ban nhân dân xã Quang Phú, thành phố Đ, tỉnh Q phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Trong trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

3. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị L và Đậu Thị L.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 12.750.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0003214 ngày 26/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B; tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ loại 52 quân đã qua sử dụng (các vật chứng có đặc điểm được mô tả cụ thể tại Biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B ngày 26/01/2024).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị L, Nguyễn Danh S và Đậu Thị L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- Sở Tư pháp tỉnh Q;
- CA huyện B;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện B;
- UBND xã T;
- UBND xã Ph;
- UBND xã D;
- UBND phường H;
- UBND xã Qu;
- THADS huyện B;
- Các bị cáo; NTGTT
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương